TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAH'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2021/DS-ST.
Ngày: 24-9-2021.
"V/v: *Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAH'LEO, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nụ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Manh A Drơng.

2. Ông Hoàng Tuyển.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà - Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày ngày 24 tháng 9 năm 2020. Tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLST-DS, ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2021/QĐST-DS ngày 07/9/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1981. Địa chỉ: T5, thị trấn ED, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1985. Địa chỉ: T5, thị trấn ED, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh P trình bày:*

Vào ngày 20/12/2020 ông Lê Văn N có vay của bà Nguyễn Thị Thanh P số tiền 193.000.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu đồng)* khi vay các bên có viết giấy vay tiền với nhau và ông N có ký vào giấy vay tiền và hai bên không thỏa thuận lãi suất, hẹn trả vào ngày 05/01/2021 sẽ trả số tiền trên cho bà P. Tuy nhiên, đã quá hạn trả nợ nhưng ông N không trả cho bà P mặc dù bà P đã đến đòi nhiều lần.

Nay bà Phạm Thị P yêu cầu ông Lê Văn N phải trả số tiền gốc là 193.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả, kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Thanh P không yêu cầu gì thêm.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, bà Nguyễn Thị Thanh P đã cung cấp cho Tòa án 01 giấy vay tiền (bản gốc).

** Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Lê Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành ghi nhận ý kiến được.*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ và giải quyết vụ án Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 117, Điều 119, Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh P, buộc bị đơn ông Lê Văn N phải có trách nhiệm trả cho phải trả số tiền gốc 193.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả cho bà Nguyễn Thị Thanh P, kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra ông N còn phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Việc Tòa án xác định đây là quan hệ *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* và thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông Lê Văn N đến Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng ông Lê Văn N vẫn vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được. Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi bị đơn cư trú, triệu tập hợp lệ bị đơn đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Xét hợp đồng vay tài sản giữa các bên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn N trốn tránh không lên làm việc nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông N về việc vay tài sản của bà Nguyễn Thị Thanh P, nên bà P đã giao nộp cho Tòa án 01 giấy vay tiền đề ngày 20/12/2020 (bản gốc) và có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết mang tên Lê Văn N dưới mục "Người vay tiền" trong giấy vay tiền nên trên.

Căn cứ kết luận giám định số 108/KLGĐ-PC09 ngày 14/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Lê Văn N dưới mục "Người vay tiền" tại giấy vay tiền đề ngày 20/12/2020 (trên mẫu cần giám định ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết mang tên Lê Văn N trong Bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện E vào ngày 08/3/2018 (trên mẫu so sánh ký hiệu M1), là do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, đã có đủ cở sở xác định: Vào ngày 20/12/2020 ông Lê Văn N đã vay của bà Nguyễn Thị Thanh P số tiền 193.000.000 đồng, khi vay các bên có viết giấy vay tiền với nhau, ông N đã ký vào giấy vay tiền, hẹn trả toàn bộ số tiền trên vào ngày 05/01/2021.

Xét việc thiết lập hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát

sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Đến hạn trả nợ nhưng ông N không trả tiền cho bà P theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà P. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ, cần chấp nhận. Buộc ông Lê Văn N phải trả số tiền gốc 193.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả cho bà Nguyễn Thị Thanh P, kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định.

[3.2]. Về lãi suất: Ông Lê Văn N phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền 193.000.000 đồng, kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 05/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/9/2021 theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự, cụ thể: 193.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 09 tháng 19 ngày = 15.432.000 đồng.

Như vậy, ông Lê Văn N có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh P số tiền 208.432.000 đồng. Trong đó, số tiền gốc là 193.000.000 đồng và tiền lãi suất là 15.432.000 đồng.

[4]. Về chi phí giám định: Ông Lê Văn N phải chịu toàn bộ chi phí trưng cầu giám định số tiền là 4.050.000 đồng. Do bà P đã nộp tạm ứng chi phí giám định 6.000.000 đồng (Tòa án đã trả lại cho bà P 1.950.000 đồng còn lại) nên cần buộc ông N phải hoàn trả cho bà P số tiền 4.050.000 đồng chi phí trưng cầu giám định.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: 208.432.000 đồng X 5% = 10.422.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35 và Điều 39, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh P.

1. Buộc ông Lê Văn N phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh P số tiền 208.432.000 đồng (*Hai trăm lẻ tám triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng)*. Trong đó, số tiền gốc là 193.000.000 đồng và tiền lãi suất là 15.432.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí giám định: Buộc ông Lê Văn N phải chịu toàn bộ chi phí giám định 4.050.000 đồng và phải hoàn trả cho bà P toàn bộ số tiền giám định này.

3. Về án phí: Buộc ông Lê Văn N phải chịu 10.422.000 đồng *(Mười triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh P số tiền 4.825.000 đồng *(Bốn triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo theo biên lai số AA/2019/0012524, ngày 11 tháng 3 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nụ

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea H’leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H’leo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.